

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1234

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Nghiệm của phương trình $5x = 30$ là:

A. 3

B. 6

C. 15

D. 13

Câu 2: Tam giác ABC vuông tại A có $AB = 5$, $AC = 12$. Khi đó $\tan(B)$ bằng:A. $5/12$ B. $12/5$ C. $12/13$ D. $5/13$ **Câu 3:** Tập nghiệm của bất phương trình $5x - 15 > 0$ là:A. $x \leq 3$ B. $x \geq 3$ C. $x > 3$ D. $x < 3$ **Câu 4:** Rút gọn biểu thức $4\sqrt{3} + \sqrt{3}$ ta được:A. $4\sqrt{3}$ B. $10\sqrt{3}$ C. $6\sqrt{3}$ D. $5\sqrt{3}$ **Câu 5:** Giá trị của $(\sqrt{13})^2$ bằng:

A. 15

B. 12

C. 13

D. 21

Câu 6: Đưa $\sqrt{24}$ về dạng $a\sqrt{6}$, giá trị a bằng:

A. 7

B. 1

C. 10

D. 2

Câu 7: Nghiệm nguyên nhỏ nhất của bất phương trình $4x - 20 \geq 0$ là:

A. 0

B. 5

C. -4

D. 14

Câu 8: Nghiệm của phương trình $2x + 6 = 0$ là:

A. -1

B. 0

C. 3

D. -3

Câu 9: Nghiệm của phương trình $4x + 9 = 25$ là:

A. -4

B. -3

C. 4

D. 3

Câu 10: Nghiệm của phương trình $2x = 0$ là:

- | | |
|--------------|-------------|
| A. -1 | B. 8 |
| C. -4 | D. 0 |

Câu 11: Nghiệm của phương trình $6x = 18$ là:

- | | |
|--------------|--------------|
| A. 12 | B. -4 |
| C. -1 | D. 3 |

Câu 12: Nghiệm của phương trình $8x + 8 = 0$ là:

- | | |
|---------------|--------------|
| A. -8 | B. -1 |
| C. -10 | D. -7 |

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Giá trị của $\sqrt{4} + \sqrt{4}$ bằng: Trả lời:

Câu 2: Nghiệm của phương trình $6x + 5 = -7$ là: Trả lời:

Câu 3: Nghiệm của phương trình $3x + 5 = x + 7$ là: Trả lời:

Câu 4: Nghiệm của phương trình $3x = 12$ là: Trả lời:

Câu 5: Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Biết BH = 9 cm, CH = 16 cm. Tính chu vi tam giác ABC. Trả lời:

Câu 6: Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Chứng minh rằng $1/AH^2 = 1/AB^2 + 1/AC^2$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

Câu 7: Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Gọi M, N lần lượt là hình chiếu vuông góc của H trên AB và AC. Chứng minh rằng $AM \cdot AB = AN \cdot AC$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử giữa học kỳ 1 môn Toán lớp 9 (Đợt 2)
— Đề số 2

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	C	D	C	D	B	D	C	D	D	B

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	4	-2	1	4	60	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*